

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 04 – 5 – 2020
V/v tranh chấp Hôn nhân và Gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Vinh Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Diễm Huyền.

Ông Huỳnh Khởi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Quách Văn Diễn-Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Đặng Xuân Mai-Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2020/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp Hôn nhân và Gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 19 tháng 02 năm 2020, [Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 12 tháng 3 năm 2020](#) và [Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 03 tháng 4 năm 2020](#), giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lý Ngọc D, sinh năm 1986, địa chỉ ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Bình M, sinh năm 1982, địa chỉ ấp P, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Vào năm 2006, chị Lý Ngọc D và anh Nguyễn Bình M tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong thời gian chung sống, hai người có 01 người con chung là Nguyễn Minh H, sinh ngày 27/5/2009, hiện đang sống với chị D.

Do anh M không lo làm ăn, không quan tâm đến gia đình, vợ con mà còn nhiều lần chửi và đánh chị D. Nhận thấy, vợ chồng sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không thể tồn tại được, nên chị D yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu không công nhận mối quan hệ vợ chồng giữa chị và anh Nguyễn Bình M.

- Về con chung: Xin được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Minh H và không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, **nên cũng không yêu cầu giải quyết.**

*Bị đơn anh Nguyễn Bình M không tham gia tố tụng và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lý Ngọc D.

*Tại phiên tòa, Kiểm Sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách cho rằng việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đối với người tham gia tố tụng, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn vắng mặt là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại phiên tòa, nguyên đơn không rút lại đơn khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Bình M, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng vắng mặt không rõ lý do, cho nên, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014: *“Nam, nữ có điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng”*. **Từ năm 2006 đến nay**, chị Lý Ngọc D và anh Nguyễn Bình M **tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, đủ điều kiện kết hôn, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật**. Căn cứ vào các điều 9, 14 và 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 3 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 06/01/2016 về việc hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận mối quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh M. Cho nên, yêu cầu khởi kiện của chị D là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Trong thời kỳ chung sống như vợ chồng, chị D và anh M có 01 con chung tên là Nguyễn Minh H, sinh ngày 27/5/2009, hiện đang sống với chị D.

[4] Theo quy định tại khoản 1 Điều 71, khoản 1 và khoản 2 Điều 81, các điều 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014: Cha và mẹ đều có quyền và nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên. Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Nếu không thỏa thuận được người trực tiếp nuôi con thì căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, Tòa án quyết định giao cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng. Người không trực tiếp nuôi dưỡng cũng có quyền thăm nom con sau khi ly hôn.

[5] Xét thấy, cháu Huy có nguyện vọng sống chung với mẹ, người con chung này từ nhỏ đã được người mẹ chăm sóc nuôi dưỡng tốt, cho nên phải giao cho người mẹ trực tiếp nuôi dưỡng là hợp lý. Nếu sau này người mẹ nuôi dưỡng không tốt thì người cha có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị D, giao cháu Nguyễn Minh H, sinh ngày 27/5/2009 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Dành quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục người con chung này cho anh M, không ai được ngăn cản.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị D đối với anh M.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc chị D phải chịu 300.000 đồng.

[9] Đề nghị của Kiểm sát viên về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, theo như nhận định và phân tích nêu trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 9, 14, 53, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 3 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 06/01/2016 về việc hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự.

Tuyên xử:

1) Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lý Ngọc D, tuyên bố không công nhận mối quan hệ hôn nhân giữa chị Lý Ngọc D và anh Nguyễn Bình M.

2) Về con chung: Giao cho chị D được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Minh H, sinh ngày 27/5/2009 (theo như nguyện vọng của cháu) đến tuổi trưởng thành; Anh M được quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục người con chung này, không ai được ngăn cản.

3) Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị D đối với anh M.

4) Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5) Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị D phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0002606, ngày 10/01/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, chị D đã nộp xong án phí sơ thẩm.

6) Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn này tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

7) Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Các đương sự;
- Chi cục THADSH Kế Sách (khi đã có hiệu lực);
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Vinh Thắng